

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

---

**Mục lục**

**Trang**

Báo cáo của Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán

4 - 5

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

6 - 7

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

9

Thuyết minh Báo cáo tài chính

10 - 18

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043.8759413

Fax: 043.8759419

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu 12 (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, như sau:

**1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Cầu 12 (tiền thân là Công ty Cầu 12 được thành lập và hoạt động theo Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 324/QĐ-TCCB-TĐ ngày 04/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1, được chuyển đổi theo Quyết định số 1298/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019796, đăng ký lần đầu ngày 01/10/2007 và thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: Số 463 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ của Công ty là **48.500.000.000 đồng** (Bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 như sau:

| Đối tượng góp vốn                                       | Tỷ lệ          |
|---------------------------------------------------------|----------------|
| Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 (Cienco1) | 50,6%          |
| Cổ đông khác                                            | 49,4%          |
| <b>Tổng</b>                                             | <b>100,00%</b> |

**2. Những hoạt động kinh doanh chính**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và gia công các loại ván khuôn.

**3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh**

- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, cảng, công trình thủy, kết cấu hạ tầng dự án cấp thoát nước, đường dây và trụ điện 35Kv trở xuống;
- Xây dựng và kinh doanh các nhà máy phát điện vừa và nhỏ, các công trình phục vụ dân sinh, khu vui chơi giải trí;
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cho thuê nhà ở, dịch vụ nhà đất, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án tiền khả thi và khả thi; Thiết kế công trình xây dựng cầu;
- Tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kinh doanh phòng thí nghiệm chuyên ngành;
- Gia công kết cấu thép, vật liệu xây dựng và các sản phẩm cơ khí khác;
- Sửa chữa thiết bị máy móc ngành giao thông, xây dựng;
- Chế biến lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043.8759413

Fax: 043.8759419

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh (tiếp theo)**

- Đào tạo dạy nghề: Công nhân kỹ thuật nghiệp vụ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

**4. Thành phần Ban Giám đốc Công ty**

Thành phần của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

**Hội đồng quản trị**

|                     |              |                            |
|---------------------|--------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Bảo  | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 15/11/2010   |
| Ông Phạm Dũng       | Chủ tịch     | Miễn nhiệm ngày 15/11/2010 |
| Ông Phạm Xuân Thủy  | Phó Chủ tịch |                            |
| Ông Nguyễn Văn Vĩnh | Ủy viên      |                            |
| Ông Nguyễn Hữu Hoa  | Ủy viên      |                            |
| Ông Đặng Thanh Bình | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 15/11/2010   |
| Ông Lê Văn Long     | Ủy viên      | Miễn nhiệm ngày 15/11/2010 |

**Ban Giám đốc**

|                     |              |
|---------------------|--------------|
| Ông Phạm Xuân Thủy  | Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Văn Vĩnh | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hữu Hoa  | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Tá Thi   | Phó Giám đốc |
| Ông Đào Trọng Nam   | Phó Giám đốc |

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 06 đến 18 kèm theo.

**6. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

**7. Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043.8759413

Fax: 043.8759419

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**7. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)**

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

15 -03- 2011

SỐ CHỨNG THỰC ..... 1.7.5.3 ..... QUYỀN SỞ HỮU



Phạm Xuân Thủy





Số: 110106/BCKT- AISHN

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010  
của Công ty Cổ phần Cầu 12

**Kính gửi: ÔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cầu 12 (sau đây được viết tắt là "Công ty") lập ngày 28/02/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2010. Các khoản phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ tại ngày 31/12/2010. Do hạn chế về tài liệu cung cấp không cho phép chúng tôi thực hiện đầy đủ các thủ tục thay thế nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về các số liệu trình bày liên quan đến các khoản phải thu phải trả, các khoản vay và ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty chưa tiến hành đánh giá và trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Tại 31/12/2010 số liệu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại khoản mục Tài sản ngắn hạn khác (mã số 158) bao gồm cả số liệu thuộc khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (mã số 261).

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 50, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City.

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng.

Tel : (04) 3782 0045 / 46 / 47

Tel : (0511) 371 5619

Tel : (0710) 3813 004

Tel : (031) 3569 577

Fax : (04) 3782 0048

Fax : (0511) 371 5620

Fax : (0710) 3828 765

Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscnt@dn.vnn.vn

Trong năm 2010 Công ty điều chỉnh theo kết quả của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 làm ảnh hưởng giảm kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 là 181.767.104 đồng thay vì phải điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2009 và làm ảnh hưởng tới số dư tại ngày 01/01/2010 các khoản mục liên quan như theo Chế độ kế toán quy định.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cầu 12 tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



**Giám đốc**

**Đào Tiến Đạt**

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Thanh Huệ**

Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| TÀI SẢN                                        | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2010<br>Đồng     | 01/01/2010<br>Đồng     |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     | <b>100</b> |             | <b>431.500.257.916</b> | <b>434.937.687.068</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> |             | <b>15.169.321.572</b>  | <b>51.187.604.104</b>  |
| 1. Tiền                                        | 111        | V.01        | 15.169.321.572         | 51.187.604.104         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> | <b>V.02</b> | <b>2.500.000.000</b>   | <b>2.500.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                             | 121        |             | 2.500.000.000          | 2.500.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>320.781.969.672</b> | <b>288.970.124.730</b> |
| 1. Phải thu khách hàng                         | 131        |             | 157.469.545.213        | 147.725.269.954        |
| 2. Trả trước cho người bán                     | 132        |             | 29.762.796.161         | 17.877.129.604         |
| 3. Phải thu nội bộ                             | 133        |             | 133.804.940.983        | 121.237.986.284        |
| 5. Các khoản phải thu khác                     | 135        | V.03        | 2.267.992.312          | 2.129.738.888          |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi         | 139        |             | (2.523.304.997)        | 0                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> |             | <b>45.007.287.942</b>  | <b>89.607.323.416</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                | 141        | V.04        | 45.007.287.942         | 89.607.323.416         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>48.041.678.730</b>  | <b>2.672.634.818</b>   |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                       | 158        |             | 48.041.678.730         | 2.672.634.818          |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>60.548.747.438</b>  | <b>104.246.273.609</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>0</b>               | <b>0</b>               |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>60.188.798.522</b>  | <b>58.602.980.493</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.08        | 50.564.148.473         | 54.014.922.497         |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 137.420.770.189        | 130.118.371.983        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (86.856.621.716)       | (76.103.449.486)       |
| 3. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | V.10        | 1.596.587.506          | 1.596.587.506          |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 2.284.841.506          | 2.284.841.506          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (688.254.000)          | (688.254.000)          |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 230        | V.11        | 8.028.062.543          | 2.991.470.490          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>240</b> | <b>V.12</b> | <b>0</b>               | <b>0</b>               |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>  | <b>250</b> |             | <b>359.948.916</b>     | <b>359.948.916</b>     |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh     | 252        |             | 797.551.510            | 797.551.510            |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn  | 259        |             | (437.602.594)          | (437.602.594)          |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>0</b>               | <b>45.283.344.200</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | V.14        | 0                      | 45.283.344.200         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |             | <b>492.049.005.355</b> | <b>539.183.960.678</b> |

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2010<br>Đồng     | 01/01/2010<br>Đồng     |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>435.251.395.827</b> | <b>483.461.626.877</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>430.398.176.411</b> | <b>477.847.398.916</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | V.15        | 74.077.387.941         | 87.259.216.288         |
| 2. Phải trả người bán                         | 312        |             | 39.816.208.996         | 51.213.822.394         |
| 3. Người mua trả tiền trước                   | 313        |             | 47.761.543.675         | 119.274.216.189        |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | V.16        | 109.112.082.519        | 89.940.830.068         |
| 5. Phải trả người lao động                    | 315        |             | 29.449.607.350         | 24.759.804.554         |
| 7. Phải trả nội bộ                            | 317        |             | 117.133.497.486        | 92.548.847.741         |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | V.18        | 13.569.140.953         | 13.714.080.728         |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 323        |             | (521.292.509)          | (863.419.046)          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>4.853.219.416</b>   | <b>5.614.227.961</b>   |
| 4. Vay và nợ dài hạn                          | 334        | V.20        | 3.403.156.384          | 4.965.556.384          |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 336        |             | 261.914.165            | 294.530.165            |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                   | 338        |             | 1.188.148.867          | 354.141.412            |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>400</b> |             | <b>56.797.609.528</b>  | <b>55.722.333.800</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>V.22</b> | <b>56.797.609.528</b>  | <b>55.722.333.800</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        |             | 48.500.000.000         | 48.500.000.000         |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                      | 417        |             | 136.958.252            | 136.958.252            |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        |             | 19.565.465             | 19.565.465             |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối                  | 420        |             | 8.141.085.811          | 7.065.810.083          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>         | <b>430</b> |             | <b>0</b>               | <b>0</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>440</b> |             | <b>492.049.005.355</b> | <b>539.183.960.678</b> |

Người lập biểu

*Nguyễn Thanh Hải*

Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng

*Cần Thành Đạt*

Cần Thành Đạt

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011



Phạm Xuân Thủy

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội  
Tel: 04. 8759 413 Fax: 04. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Năm 2010**

| CHỈ TIÊU                                                  | Mã số     | Thuyết minh  | Năm 2010<br>Đồng       | Năm 2009<br>Đồng       |
|-----------------------------------------------------------|-----------|--------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 01        | VI.25        | 807.068.001.291        | 714.423.672.305        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        | VI.26        | 1.834.211.979          | 1.066.026.637          |
| <i>Giảm giá hàng bán</i>                                  | 05        |              | 1.834.211.979          | 1.066.026.637          |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> | <b>VI.27</b> | <b>805.233.789.312</b> | <b>713.357.645.668</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11        | VI.28        | 762.067.396.048        | 678.994.462.165        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |              | <b>43.166.393.264</b>  | <b>34.363.183.503</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | VI.29        | 3.725.160.495          | 4.346.667.223          |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính                            | 22        | VI.30        | 17.793.380.087         | 14.465.328.915         |
| <i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                        | 23        |              | 16.815.470.345         | 13.976.121.616         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 25        |              | 19.313.052.423         | 16.407.966.448         |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>30</b> |              | <b>9.785.121.249</b>   | <b>7.836.555.363</b>   |
| 11. Thu nhập khác                                         | 31        |              | 2.127.847.090          | 2.230.905.613          |
| 12. Chi phí khác                                          | 32        |              | 321.212.000            | 666.572.017            |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                                 | <b>40</b> |              | <b>1.806.635.090</b>   | <b>1.564.333.596</b>   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     | 50        |              | 11.591.756.339         | 9.400.888.959          |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành          | 51        | VI.31        | 2.893.564.085          | 2.345.847.240          |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp              | 60        |              | 8.698.192.254          | 7.055.041.719          |
| <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                       |           | VI.33        | <b>1.793,44</b>        | <b>1.454,65</b>        |

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Hải

Cấn Thành Đạt



Phạm Xuân Thủy

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội  
Tel: 043. 8759 413 Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

| CHỈ TIÊU                                                             | Mã số     | Năm 2010<br>Đồng        | Năm 2009<br>Đồng        |
|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh</b>                         |           |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác          | 01        | 731.260.171.245         | 572.119.672.496         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ               | 02        | (669.560.405.886)       | (521.479.437.903)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                   | 03        | (90.412.909.004)        | (61.102.078.147)        |
| 4. Tiền chi trả lãi vay                                              | 04        | (17.988.245.532)        | (16.058.822.062)        |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                           | 05        | (901.610.901)           | 0                       |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                             | 06        | 53.517.126.304          | 1.006.294.925           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                            | 07        | (23.656.641.997)        | (6.460.914.179)         |
| <b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>              | <b>20</b> | <b>(17.742.515.771)</b> | <b>(31.975.284.870)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                       |           |                         |                         |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác           | 21        | (5.784.791.626)         | (4.964.590.047)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22        | 1.500.000               | 42.857.143              |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác              | 23        | (2.500.000.000)         |                         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác      | 24        | 2.500.000.000           |                         |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia               | 27        | 3.491.817.886           | 4.346.667.223           |
| <b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</b>                  | <b>30</b> | <b>(2.291.473.740)</b>  | <b>(575.065.681)</b>    |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                   |           |                         |                         |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                              | 33        | 430.284.285.989         | 347.257.699.352         |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                           | 34        | (443.872.679.010)       | (322.200.994.765)       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                           | 36        | (2.395.900.000)         | (1.916.720.000)         |
| <b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</b>               | <b>40</b> | <b>(15.984.293.021)</b> | <b>23.139.984.587</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                                | <b>50</b> | <b>(36.018.282.532)</b> | <b>(9.410.365.964)</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                               | <b>60</b> | <b>51.187.604.104</b>   | <b>60.597.970.068</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ              | 61        | 0                       | 0                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>                          | <b>70</b> | <b>15.169.321.572</b>   | <b>51.187.604.104</b>   |

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng

Cấn Thành Đạt

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011



Phạm Xuân Thủy

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội  
Tel: 043. 8759 413 Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cầu 12 (tiền thân là Công ty Cầu 12 là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1, được chuyển đổi theo Quyết định số 1298/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019796 đăng ký lần đầu ngày 01/10/2007 và thay đổi lần thứ hai ngày 18/03/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ của Công ty là **48.500.000.000 đồng** (Bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 như sau:

**Đối tượng góp vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 (Cienco 1)

Cổ đông khác

**Tổng**

Tỷ lệ

50,6%

49,4%

100,00%

**2- Những hoạt động kinh doanh chính**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và gia công các loại ván khuôn.

**3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh**

- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, cảng, công trình thủy, kết cấu hạ tầng dự án cấp thoát nước, đường dây và trụ điện 35Kv trở xuống;
- Xây dựng và kinh doanh các nhà máy phát điện vừa và nhỏ, các công trình phục vụ dân sinh, khu vui chơi giải trí;
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cho thuê nhà ở, dịch vụ nhà đất, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án tiền khả thi và khả thi; Thiết kế công trình xây dựng cầu;
- Tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kinh doanh phòng thí nghiệm chuyên ngành;
- Gia công kết cấu thép, vật liệu xây dựng và các sản phẩm cơ khí khác;
- Sửa chữa thiết bị máy móc ngành giao thông, xây dựng;
- Chế biến lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo dạy nghề: Công nhân kỹ thuật nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

**II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**II- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành Đồng theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội  
Tel: 043. 8759 413 Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

**7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đồ xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Giá trị công cụ, dụng cụ này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Được Công ty ghi nhận trên cơ sở nghiệm thu thanh toán được phê duyệt bởi chủ đầu tư hoặc theo Thông báo của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO1) đối với các công trình mà Công ty được nhận là nhà thầu phụ. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; các khoản lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về Thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**14- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các công trình xây lắp là 10%.

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1 - Tiền**

|                    | 31/12/2010<br>Đồng    | 01/01/2010<br>Đồng    |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt tại quỹ   | 698.850.627           | 788.571.363           |
| Tiền gửi ngân hàng | 14.470.470.945        | 50.399.032.741        |
| <b>Cộng</b>        | <b>15.169.321.572</b> | <b>51.187.604.104</b> |

**2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

|                      | 31/12/2010<br>Đồng   | 01/01/2010<br>Đồng   |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Đầu tư ngắn hạn khác | 2.500.000.000        | 2.500.000.000        |
| <b>Cộng</b>          | <b>2.500.000.000</b> | <b>2.500.000.000</b> |

**3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

|                                                        | 31/12/2010<br>Đồng   | 01/01/2010<br>Đồng   |
|--------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu về cổ phần hoá                                | 110.391.512          | 225.700.345          |
| Phải thu khác                                          | 2.011.445.967        | 1.904.038.543        |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn NH Đầu tư & Phát triển | 146.154.833          | 0                    |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>2.267.992.312</b> | <b>2.129.738.888</b> |

**4 - Hàng tồn kho**

|                                     | 31/12/2010<br>Đồng    | 01/01/2010<br>Đồng    |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu               | 9.639.792.197         | 4.406.412.711         |
| Công cụ dụng cụ                     | 629.006.864           | 462.073.351           |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 34.738.488.881        | 84.738.837.354        |
| <b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>    | <b>45.007.287.942</b> | <b>89.607.323.416</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: Đồng

| KHOẢN MỤC               | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Tổng cộng       |
|-------------------------|-----------------------|------------------|--------------------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>       |                       |                  |                                |                          |                               |                 |
| Tại ngày 01/01/2010     | 6.859.959.975         | 113.166.005.397  | 7.322.008.773                  | 2.656.864.538            | 113.533.300                   | 130.118.371.983 |
| Tăng do mua sắm         | 0                     | 1.062.647.190    | 2.785.826.436                  | 36.105.400               | 195.058.627                   | 4.079.637.653   |
| Đầu tư XD CB hoàn thành | 0                     | 3.164.518.735    | 0                              | 0                        | 0                             | 3.164.518.735   |
| Tăng khác               | 0                     | 0                | 13.181.818                     | 45.060.000               |                               | 58.241.818      |
| Tại ngày 31/12/2010     | 6.859.959.975         | 117.393.171.322  | 10.121.017.027                 | 2.738.029.938            | 308.591.927                   | 137.420.770.189 |
| <b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>   |                       |                  |                                |                          |                               |                 |
| Tại ngày 01/01/2010     | 3.263.790.668         | 64.220.160.679   | 6.626.874.359                  | 1.894.383.562            | 98.240.218                    | 76.103.449.486  |
| Khấu hao TSCĐ           | 269.221.642           | 9.855.705.842    | 403.641.333                    | 210.956.770              | 13.646.643                    | 10.753.172.230  |
| Tại ngày 31/12/2010     | 3.533.012.310         | 74.075.866.521   | 7.030.515.692                  | 2.105.340.332            | 111.886.861                   | 86.856.621.716  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>  |                       |                  |                                |                          |                               |                 |
| Tại ngày 01/01/2010     | 3.596.169.307         | 48.945.844.718   | 695.134.414                    | 762.480.976              | 15.293.082                    | 54.014.922.497  |
| Tại ngày 31/12/2010     | 3.326.947.665         | 43.317.304.801   | 3.090.501.335                  | 632.689.606              | 196.705.066                   | 50.564.148.473  |

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2010 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **7.609.769.617 đồng**;

- Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là: **41.967.588.243 đồng**;

- Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý tại ngày 31/12/2010 là: **0 đồng**.

**10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: Đồng

| KHOẢN MỤC              | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Tổng cộng     |
|------------------------|-------------------|----------------------|---------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>      |                   |                      |               |
| Tại ngày 01/01/2010    | 1.596.587.506     | 688.254.000          | 2.284.841.506 |
| Tại ngày 31/12/2010    | 1.596.587.506     | 688.254.000          | 2.284.841.506 |
| <b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>  |                   |                      |               |
| Tại ngày 01/01/2010    | 0                 | 688.254.000          | 688.254.000   |
| Tại ngày 31/12/2010    | 0                 | 688.254.000          | 688.254.000   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> |                   |                      |               |
| Tại ngày 01/01/2010    | 1.596.587.506     | 0                    | 1.596.587.506 |
| Tại ngày 31/12/2010    | 1.596.587.506     | 0                    | 1.596.587.506 |

**11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                            | 31/12/2010<br>Đồng   | 01/01/2010<br>Đồng   |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Phân xưởng gia công cơ khí | 7.909.391.393        | 1.139.462.651        |
| Mua sắm TSCĐ               | 118.671.150          | 1.852.007.839        |
| <b>Cộng</b>                | <b>8.028.062.543</b> | <b>2.991.470.490</b> |

**14 - Chi phí trả trước dài hạn**

|                                     | 31/12/2010<br>Đồng | 01/01/2010<br>Đồng    |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 0                  | 45.283.344.200        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>0</b>           | <b>45.283.344.200</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15 - Vay và nợ ngắn hạn**

|                                               | <b>31/12/2010</b>     | <b>01/01/2010</b>     |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                               | <b>Đồng</b>           | <b>Đồng</b>           |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                           | <b>74.077.387.941</b> | <b>87.259.216.288</b> |
| Vay ngắn hạn bằng Đồng                        | 64.103.427.046        | 86.554.131.938        |
| NH NN&PTNT Việt Nam - CN Gia Lâm              | 12.923.497.403        | 17.190.399.995        |
| NH TMCP Ngoại thương - CN Thành Công          | 0                     | 14.781.991.872        |
| NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô | 30.961.466.995        | 19.399.158.031        |
| NH TMCP Công thương - CN Chương Dương         | 20.218.462.648        | 35.182.582.040        |
| Vay ngắn hạn bằng USD                         | 9.973.960.895         | 705.084.350           |
| NH TMCP Ngoại thương - CN Thành Công          | 0                     | 705.084.350           |
| NH TMCP Công thương - CN Chương Dương         | 9.973.960.895         | 0                     |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>74.077.387.941</b> | <b>87.259.216.288</b> |

**16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | <b>31/12/2010</b>      | <b>01/01/2010</b>     |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
|                            | <b>Đồng</b>            | <b>Đồng</b>           |
| Thuế giá trị gia tăng      | 100.729.040.858        | 83.602.814.489        |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | 50.507.926             | 21.153.710            |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.248.226.018          | 6.316.861.869         |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 84.307.717             | 0                     |
| <b>Cộng</b>                | <b>109.112.082.519</b> | <b>89.940.830.068</b> |

**18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                                   | <b>31/12/2010</b>     | <b>01/01/2010</b>     |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                   | <b>Đồng</b>           | <b>Đồng</b>           |
| Kinh phí công đoàn                | 216.316.972           | 396.816.973           |
| Bảo hiểm xã hội                   | 7.788.776.999         | 7.033.806.487         |
| Bảo hiểm thất nghiệp              | 0                     | 207.010.781           |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 5.564.046.982         | 6.076.446.487         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>13.569.140.953</b> | <b>13.714.080.728</b> |

**20- Vay và nợ dài hạn**

|                                                        | <b>31/12/2010</b>    | <b>01/01/2010</b>    |
|--------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                        | <b>Đồng</b>          | <b>Đồng</b>          |
| <b>a. Vay dài hạn</b>                                  | <b>2.706.947.629</b> | <b>4.269.347.629</b> |
| - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô | 0                    | 660.000.000          |
| - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hà Nội                 | 547.629              | 547.629              |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công | 2.706.400.000        | 3.608.800.000        |
| <b>b. Nợ dài hạn</b>                                   | <b>696.208.755</b>   | <b>696.208.755</b>   |
| Nợ dài hạn khác                                        | 696.208.755          | 696.208.755          |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>3.403.156.384</b> | <b>4.965.556.384</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22 - Nguồn vốn chủ sở hữu****a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng            |
|----------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước  | 48.500.000.000            | 136.958.252           | 19.565.465             | 3.970.171.800            | 52.626.695.517  |
| Lãi trong năm trước  | 0                         | 0                     | 0                      | 7.055.041.719            | 7.055.041.719   |
| Giảm khác            | 0                         | 0                     | 0                      | (3.959.403.436)          | (3.959.403.436) |
| Số dư cuối năm trước | 48.500.000.000            | 136.958.252           | 19.565.465             | 7.065.810.083            | 55.722.333.800  |
| Số dư đầu năm nay    | 48.500.000.000            | 136.958.252           | 19.565.465             | 7.065.810.083            | 55.722.333.800  |
| Lãi trong năm nay    | 0                         | 0                     | 0                      | 8.698.192.254            | 8.698.192.254   |
| Giảm khác            | 0                         | 0                     | 0                      | (7.622.916.526)          | (7.622.916.526) |
| Số dư cuối năm nay   | 48.500.000.000            | 136.958.252           | 19.565.465             | 8.141.085.811            | 56.797.609.528  |

**b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                                                           | 31/12/2010<br>Đồng    | 01/01/2010<br>Đồng    |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 | 24.541.000.000        | 24.541.000.000        |
| Vốn góp của các đối tượng khác                            | 23.959.000.000        | 23.959.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>48.500.000.000</b> | <b>48.500.000.000</b> |

**c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

|                             | Năm 2010<br>Đồng | Năm 2009<br>Đồng |
|-----------------------------|------------------|------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                  |                  |
| + Vốn góp đầu năm           | 48.500.000.000   | 48.500.000.000   |
| + Vốn góp tăng trong năm    | 0                | 0                |
| + Vốn góp giảm trong năm    | 0                | 0                |
| + Vốn góp cuối năm          | 48.500.000.000   | 48.500.000.000   |

**đ- Cổ phiếu**

|                                          | Năm 2010<br>Cổ phiếu | Năm 2009<br>Cổ phiếu |
|------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 4.850.000            | 4.850.000            |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 4.850.000            | 4.850.000            |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 4.850.000            | 4.850.000            |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại         | 0                    | 0                    |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 4.850.000            | 4.850.000            |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 4.850.000            | 4.850.000            |

**e - Các quỹ của doanh nghiệp**

|                        | 31/12/2010<br>Đồng | 01/01/2010<br>Đồng |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển  | 136.958.252        | 136.958.252        |
| Quỹ dự phòng tài chính | 19.565.465         | 19.565.465         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức bảo hiểm.

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

|                                                            | Năm 2010<br>Đồng       | Năm 2009<br>Đồng       |
|------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>     | <b>807.068.001.291</b> | <b>714.423.672.305</b> |
| Trong đó:                                                  |                        |                        |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng                                | 807.068.001.291        | 714.423.672.305        |
| <b>26- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                    | <b>1.834.211.979</b>   | <b>1.066.026.637</b>   |
| Giảm giá hàng bán                                          | 1.834.211.979          | 1.066.026.637          |
| <b>27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>805.233.789.312</b> | <b>713.357.645.668</b> |
| Trong đó:                                                  |                        |                        |
| Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa                | 805.233.789.312        | 713.357.645.668        |
| <b>28 - Giá vốn hàng bán</b>                               |                        |                        |
|                                                            | Năm 2010<br>Đồng       | Năm 2009<br>Đồng       |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng                              | 762.067.396.048        | 678.994.462.165        |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>762.067.396.048</b> | <b>678.994.462.165</b> |
| <b>29 - Doanh thu hoạt động tài chính</b>                  |                        |                        |
|                                                            | Năm 2010<br>Đồng       | Năm 2009<br>Đồng       |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                                 | 3.526.572.841          | 4.187.858.094          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                | 17.500.000             | 17.500.000             |
| Chiết khấu thanh toán được hưởng                           | 29.429.700             | 0                      |
| Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện                            | 151.657.954            | 120.165.638            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                       | 0                      | 21.143.491             |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>3.725.160.495</b>   | <b>4.346.667.223</b>   |
| <b>30 - Chi phí hoạt động tài chính</b>                    |                        |                        |
|                                                            | Năm 2010<br>Đồng       | Năm 2009<br>Đồng       |
| Lãi tiền vay                                               | 16.815.470.345         | 13.976.121.616         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện                             | 977.909.742            | 489.207.299            |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>17.793.380.087</b>  | <b>14.465.328.915</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12**

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|                                                              | Năm 2010<br>Đồng | Năm 2009<br>Đồng |
|--------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                            | 11.591.756.339   | 9.400.888.959    |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN            | 17.500.000       | 17.500.000       |
| - Lợi nhuận, cổ tức được chia                                | 17.500.000       | 17.500.000       |
| Tổng lợi nhuận tính thuế                                     | 11.574.256.339   | 9.383.388.959    |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 2.893.564.085    | 2.345.847.240    |

**33 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|                                                                                                                                   | Năm 2010<br>Đồng | Năm 2009<br>Đồng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                                  | 8.698.192.254    | 7.055.041.719    |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 0                | 0                |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                                   | 8.698.192.254    | 7.055.041.719    |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ                                                                               | 4.850.000        | 4.850.000        |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                                                                          | 1.793,44         | 1.454,65         |

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2010.

**5 - Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2010 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh có phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**6 - Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng

Cấn Thành Đạt



Phạm Xuân Thủy